

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TÂY NINH Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: 1069/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai bộ thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục

hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1091/TTr-SXD ngày 09 tháng 5 năm 2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 572/TTr-STP ngày 08 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai kèm theo Quyết định này là Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh (*Danh mục kèm theo*).

Nội dung các thủ tục hành chính được đăng tải công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ: <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>.

Sở Xây dựng và UBND cấp huyện có trách nhiệm niêm yết công khai tại bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả”, công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có) và thực hiện các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng với nội dung đã công bố tại Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc công bố, công khai Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng phát hành nội dung các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp huyện được công bố, công khai kèm theo Quyết định này đến UBND cấp huyện trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Op*

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC- VP Chính phủ;
- TT:TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (5b);
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

60



2

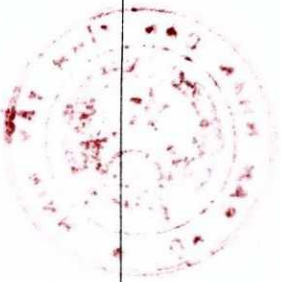
Phạm Văn Tân



**DANH MỤC BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Ghi chú | Trang |
|----------|---|--|---|-------|
| A | TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG (35 TTHC) | | | |
| 1 | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng | Giám định tư pháp xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày | 8 |
| 2 | Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động | Giám định tư pháp xây dựng | Thời gian quy định 30 ngày giảm còn 29 ngày | 12 |
| 3 | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin | Giám định tư pháp xây dựng | | 19 |
| 4 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành | Quản lý chất lượng công trình xây dựng | | 21 |
| 5 | Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày | 26 |

| | | | | |
|---|--|--|---|----|
| | chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng. |  | | |
| 6 | Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (<i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực</i>) | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 15 ngày giám còn 14 ngày | 34 |
| 7 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i>)(4) | Hoạt động xây dựng | - Thời gian quy định 30 ngày thẩm định dự án/dự án điều chỉnh nhóm B giám còn 29 ngày; thời gian quy định 20 ngày thẩm định TKCS/TKCS điều chỉnh nhóm B giám còn 15 ngày. - Thời gian quy định 20 ngày thẩm định dự án/dự án điều chỉnh nhóm C giám còn 19 ngày; thời gian quy định 15 ngày thẩm định TKCS/TKCS điều chỉnh nhóm C giám còn 14 ngày | 37 |
| 8 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định</i> | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giám còn 19 ngày | 44 |

| | | | | |
|----|--|--------------------|--|----|
| | <i>tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD) (5)</i> | | | |
| 9 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</i>)(6) | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 30 ngày công trình cấp II, III giảm còn 28 ngày; thời gian quy định 20 các công trình còn lại giảm còn 19 ngày | 59 |
| 10 | Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị (bao gồm nhà ở riêng lẻ); công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Hoạt động xây dựng | Thời gian cấp GPXD quy định là 30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, giảm còn 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ | 70 |
| 11 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị (bao gồm nhà ở riêng lẻ); công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | Hoạt động xây dựng | Điều chỉnh GPXD là 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ; gia hạn, cấp lại GPXD là 05 ngày. | 83 |
| 12 | Cấp/ cấp lại (<i>trường hợp CCHN hết hạn sử dụng</i>)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng. | Hoạt động xây dựng | | 88 |

| | | | | |
|----|--|-------------------------|---|-----|
| 13 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (<i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD. | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 15 ngày giảm còn 14 ngày | 97 |
| 14 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày | 100 |
| 15 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày | 108 |
| 16 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch - Kiến trúc | Thời gian quy định 15 ngày giảm còn 10 ngày | 111 |
| 17 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh | Quy hoạch - Kiến trúc | Thời gian quy định 25 ngày giảm còn 17 ngày | 113 |
| 18 | Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý | Quy hoạch - Kiến trúc | Thời gian quy định 45 ngày giảm còn 30 ngày | 115 |
| 19 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư. | Kinh doanh bất động sản | | 119 |
| 20 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản | Kinh doanh bất động sản | | 129 |
| 21 | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: 21.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất | Kinh doanh bất động sản | | 132 |

| | | | | |
|----|--|-------------------|--|-----|
| | khả kháng 21.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn) | | | |
| 22 | Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài | Nhà ở | | 137 |
| 23 | Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua | Nhà ở | | 139 |
| 24 | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | Nhà ở | | 141 |
| 25 | Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | Nhà ở | | 147 |
| 26 | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | Nhà ở | | 153 |
| 27 | Thẩm định giá bán, thuê mua, thê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh. | Nhà ở | | 156 |
| 28 | Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh | Nhà ở | | 158 |
| 29 | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước | Nhà ở | | 161 |
| 30 | Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước | Nhà ở | | 173 |
| 31 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | Nhà ở | | 182 |
| 32 | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | Phát triển đô thị | | 186 |
| 33 | Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo | Phát triển đô thị | | 191 |

| | | | | |
|----------|--|--------------------|--|-----|
| | khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | | | |
| 34 | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt | Phát triển đô thị | | 195 |
| 35 | Lấy ý kiến đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh | Phát triển đô thị | | 199 |
| B | TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (08 TTHC) | | | |
| 36 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>)(7) | Hoạt động xây dựng | Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày | 201 |
| 37 | Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Hoạt động xây dựng | Thời gian cấp GPXD quy định là 30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, giảm còn 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ | 216 |
| 38 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | Hoạt động xây dựng | Điều chỉnh GPXD là 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ; gia hạn, cấp lại GPXD là 05 ngày. | 224 |
| 39 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều | Quy hoạch | Thời gian quy định 15 | 228 |

| | | | | |
|----|---|--------------------------|--|-----|
| | chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | - Kiến trúc | ngày giảm còn 10 ngày | |
| 40 | Thẩm định đô án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | Quy hoạch - Kiến trúc | Thời gian quy định 25 ngày giảm còn 17 ngày | 230 |
| 41 | Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý | Quy hoạch - Kiến trúc | Thời gian quy định 45 ngày giảm còn 30 ngày | 232 |
| 42 | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh | Hạ tầng kỹ thuật | | 236 |
| 43 | Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | Nhà ở | | 239 |